

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2023/DS-PT

Ngày: 27-6-2023

“V/v tranh chấp yêu cầu tuyên
bố văn bản công chứng vô hiệu, vô
hiệu di chúc, tranh chấp quyền sử
dụng đất, quyền sở hữu tài sản và
tranh chấp thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Quán

Ông Nguyễn Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 594/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, vô hiệu di chúc, tranh chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản và tranh chấp thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 207/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1941;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1942;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Đ, Long An (Văn bản ủy quyền ngày 06-10-2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn H – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn H, Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Bà Hồ Thị Thùy L, sinh năm 1988;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Thu L1, sinh năm 1992 (Văn bản ủy quyền ngày 25-4-2022).

2. Bà Hồ Thị Thu L1, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Ông Trịnh Thành T, sinh năm 1963;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1963; (Văn bản ủy quyền ngày 10-02-2023).

4. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Trịnh Thành T và bà Nguyễn Thị Kim A: Luật sư Thái Hoàng D1 – Văn phòng Luật sư Nguyễn Hòa Bình, Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, Long An.

2. Ông Lâm Văn T1, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Chung cư T, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Võ Đắc V, sinh năm 1945;

Địa chỉ: số 480, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Hồ Mộng L2, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

5. Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Địa chỉ trụ sở: Ô 7, khu B, thị trấn H, huyện Đ, Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh T – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ.

6. Văn phòng Công chứng Võ Văn N1;

Địa chỉ trụ sở: Ô 7, khu B, thị trấn H, huyện Đ, Long An.

Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Văn N1 – Trưởng văn phòng.

7. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1953;

8. Ông Hồ Văn Tr, sinh năm 1957;

9. Ông Trần Văn P, sinh năm 1968;

10. Ông Hồ Văn L3, sinh năm 1968;

11. Ông Hồ Quốc V1, sinh năm 1989;

12. Ông Hồ Thanh H2, sinh năm 1953;

Cùng địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

13. Ông Trương Văn L4, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Đ, Long An.

14. Văn phòng Công chứng Lê Ngọc M;

Địa chỉ trụ sở: Ấp G, thị trấn H, huyện Đ, Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị R - Nguyên đơn; bà Hồ Thị Thùy L và bà Hồ Thị Thu L1 - Bị đơn; ông Nguyễn Văn D - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

(Ông N, bà R, bà L1, bà A, ông H và ông D1 có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06-10-2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02-5-2018, ngày 18-10-2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị R do ông Phạm Văn N đại diện trình bày:

Bà Nguyễn Thị R và ông Hồ Văn X (tên gọi khác là Hồ Tấn Công) là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 1980 nhưng không có con chung. Đến năm 1988, bà R, ông X mai mối cho ông Trịnh Thành T (ông T là cháu kêu ông X bằng ông) và bà Nguyễn Thị Kim A (là cháu ruột kêu bà R bằng dì) thành vợ chồng. Ông T, bà Kim A sinh được hai người con là Hồ Thị Thùy L và Hồ Thị Thu L1. Sau đó ông X và bà R nhận bà L, bà L1 làm con nuôi.

Quá trình chung sống, ông X và bà R tạo lập được khối tài sản gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 10.394m² tại các thửa 532, 583, 592, 593, 637, 638, 656 TĐĐ số 24, đất tọa lạc tại ấp Chánh, xã Đức Lập Hạ do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp cho ông Hồ Văn X ngày 01-7-1997 theo giấy chứng nhận số L 111603; quyền sử dụng đất diện tích 19.646m² tại thửa số 3, TĐĐ số 30, tại ấp Chánh, xã Tân Phú do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp cho ông Hồ Văn X theo giấy chứng nhận số AM 178705 ngày 29-02-2008; quyền sử dụng đất diện tích 5.834m² tại các thửa 369, 431, TĐĐ số 21, tại ấp Chánh, xã Đức Lập Hạ do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị R, quyền số K 883875 ngày 27-6-1997; quyền sử dụng đất diện tích 5.495m² tại các thửa 113, 385, 127, 202, 203 và 233, TĐĐ số 04, tại ấp Chánh, xã Đức Lập Thượng do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị R, quyền số K 883875 ngày 27-6-1997; quyền sử dụng đất diện tích khoảng 5.500m² tại các thửa 514, 515, 468, TĐĐ số 24, tại ấp Chánh, xã Đức Lập Hạ, ông X và bà R cho ông Trịnh Thành T đứng tên giấy chứng nhận, trên các thửa 514, 515, còn có căn nhà cấp 4 do ông X, bà R xây dựng năm 1986.

Trong diện tích 10.394m² tại các thửa 532, 583, 592, 593, 637, 638, 656: năm 2009 ông X chuyển nhượng, tặng cho ông Trịnh Thành T hết diện tích 1.714m², gồm các thửa: thửa 583 diện tích 1.399m², thửa 656 diện tích 315m². Năm 2014, đất bị UBND huyện Đức Hòa thu hồi làm dự án kênh Phước Hòa, diện tích 432m² tại một phần thửa 593. Nay diện tích đất của ông X đứng tên còn lại là 7.437m² tại các thửa 532, 592, 593 (mpt), 637, 638, TBĐ số 24, tại ấp Chánh, xã Đức Lập Hạ.

Đối với diện tích khoảng 5.500m² tại các thửa 514, 515, 468 của ông X, bà R: Trước năm 1997, ông X, bà R tặng cho ông T quyền sử dụng đất tại một phần thửa 514 với diện tích 1.000m² để ông T cất nhà ở và khoảng 3.000m² tại thửa 468 để sản xuất, kèm theo điều kiện phải phụng dưỡng bà R, ông X lúc tuổi già và cúng giỗ ông bà. Tuy nhiên, do thửa 514 (HNK) chung khuôn viên vuông rào và có căn nhà của ông X, bà R tại thửa 515, nên năm 1997 ông T đi kê khai đăng ký đối với phần đất được ông X cho thì đăng ký hết diện tích khoảng 5.500m² tại các thửa 514, 515, 468 của ông X. Sau khi phát hiện, do ông X vì tình nghĩa và còn đang làm việc nên nghĩ ông T, bà Kim A đứng tên hộ và sẽ không dám xâm phạm nên vẫn để ông T đứng tên. Thực tế, phần còn lại tại các thửa 514, 515 và căn nhà trên đất thì ông X, bà R không cho ông T.

Năm 2017, ông X bị bệnh chết. Bà R lớn tuổi không tiền nên định bán một phần đất để xây mộ cho ông X thì ông T, bà Kim A và hai con nuôi ngăn cản. Đồng thời, ông T và bà Kim A đưa ra bản di chúc có chữ ký của ông X, bà R đã cho hai con nuôi hết đất, nói rằng bà R không có quyền gì với đất đai. Từ sau khi ông X chết thì ông T, bà Kim A và chị Thùy L, Thu L1 bắt đầu ngược đãi bà R, cuộc sống của bà R lúc tuổi già bị xáo trộn. Nay bà R khởi kiện yêu cầu:

- Tuyên vô hiệu di chúc số 858 lập ngày 05-3-2008 vì: đối với diện tích đất, căn nhà mà ông X, bà R đã tặng cho bà Hồ Thị Thùy L, bà Hồ Thị Thu L1 vì nội dung của di chúc có một phần đương nhiên vô hiệu ngay từ khi lập di chúc do tài sản ghi trong di chúc không có thật, cụ thể:

Quyền sử dụng đất thửa 532 là loại đất nghĩa địa, trên đất có nhiều mộ mả của gia tộc nên không thể di chúc được.

Căn nhà số 371 nằm trên khuôn viên thửa đất 514, 515, 468 thuộc tờ bản đồ số 24, xã Đức Lập Hạ, khi đó do ông T đứng tên nên không thể di chúc được.

Trong thời gian di chúc chưa có hiệu lực (tức còn một người còn sống) mà người được hưởng di sản trong di chúc đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ được quy định tại phần “Giao nghĩa vụ cho người hưởng di sản” nên di chúc bị vô hiệu.

- Yêu cầu chia thừa kế giá trị căn nhà số 371 và một số công trình phụ nằm trên khuôn viên một phần thửa đất 514, thửa 515, tờ bản đồ số 24, xã Đức Lập Hạ nêu trên theo quy định pháp luật, trong đó bà R xin được quyền quản lý, sử dụng căn nhà, bà R đồng ý giao lại kỷ phần được chia nhưng bằng tiền cho bà Thu L1, bà Thùy L theo chứng thư thẩm định giá.

- Yêu cầu ông Trịnh Thành T, bà Nguyễn Thị Kim A trả lại quyền sử dụng đất diện tích 1.758m² thuộc một phần thửa 514 diện tích 1.386m², thửa 515 diện tích 179m², thửa 468 diện tích 193m² thuộc khu C theo mảnh trích đo bản vẽ ngày 28-11-2018. Đề nghị chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất diện tích 1.758m² của ông Trịnh Thành T đứng tên thuộc các thửa 514, 515, 468 để bà Nguyễn Thị R đứng tên giấy chứng nhận.

Vì xét theo lý, việc cho đất cho người thân để cất nhà ở và sinh sống thì không thể cho phần đất có nhà của mình. Mặt khác, ngay thời điểm lập di chúc cho nhà trên thửa 514 đã thể hiện 1.578m² thuộc khu C là ông X không tặng cho ông T. Ngoài ra, trên đất còn có nhà kho, cây trồng, cây cảnh của người già v.v..nên không có việc tặng cho đất tại khu C.

- Chia di sản là quyền sử dụng đất ông Hồ Văn X đang đứng tên giấy chứng nhận số L 111603 đối với diện tích 7.437m², đo thực tế còn lại diện tích 7.206m², theo quy định pháp luật (trừ đi phần diện tích đất nghĩa địa thuộc thửa số 523 là 4.946m²). Bà R có ½ của phần diện tích đất 2.260m² tại các thửa 592, 593, 637, 638 là 1.103m². Di sản còn lại của ông Hồ Văn X trong ½ trong phần diện tích 2.206m² tại các thửa 592, 593, 637, 638 chia cho 03 kỷ phần. Bà R yêu cầu nhận đất được chia tại các thửa: 592, 593 (mpt), 637, 638. Chị L, chị L1 nhận thửa 593(mpt) diện tích 468m².

- Chia di sản quyền sử dụng đất của ông Hồ Văn X, diện tích 19.646m² tại thửa số 3, TĐĐ số 30, tại ấp Chánh, xã Tân Phú. Bà R yêu cầu chia theo quy định pháp luật, bà R xin nhận ½ kỷ phần, bà R yêu cầu nhận vị trí đất hướng Nam giáp thửa số 89, ½ kỷ phần còn lại yêu cầu chia theo hàng thửa kế; bà R không yêu cầu xem xét công sức đóng góp, giữ gìn tài sản của các bên.

- Đối với quyền sử dụng đất tại thửa số 523 (đất nghĩa địa), ghi nhận trong di chúc, các đương sự trong vụ án không tranh chấp, bà Thùy L, Thu L1 đồng ý giao cho bà R được quyền quản lý, sử dụng. Do vậy, bà R xin được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất này để làm đất thổ mộ nên đề nghị xem xét chỉnh lý biến động thửa đất này từ tên ông Hồ Văn X sang tên bà Nguyễn Thị R.

Bị đơn ông Trịnh Thành T, bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Bà Nguyễn Thị R là di ruột bà Nguyễn Thị Kim A, ông Trịnh Thành T là cháu ông Hồ Văn X, chị Hồ Thị Thùy L, chị Hồ Thị Thu L1 là con ruột ông T và bà Kim A được ông X, bà R nhận làm con nuôi là đúng.

Trước năm 1997, ông X, bà R có cho vợ chồng ông Trịnh Thành T, bà Nguyễn Thị Kim A quyền sử dụng đất tại các thửa: thửa 514 diện tích 2.374m²; thửa 515 diện tích 179m² và thửa 468 diện tích 3.874m², TĐĐ số 24 xã Đức Lập Hạ. Ông T được Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận từ ngày 01-7-1997, việc cấp giấy nêu trên là đúng trình tự, thủ tục, thời điểm đó ông X còn sống nên ông T, bà Kim A không đồng ý.

Đối với thửa đất 532, loại đất nghĩa địa, bà Kim A và ông T không tranh chấp và cũng đồng ý giao thửa đất này cho bà R quản lý, sử dụng làm đất thổ mộ.

Ông T, bà Kim A có yêu cầu phản tố: đề nghị Tòa án xem xét hủy một phần di chúc đối với phần căn nhà cấp bốn tọa lạc trên thửa đất số 514, 515 vì các thửa đất này ông X và bà R đã tặng cho ông T, bà A trước thời điểm ông X, bà R lập di chúc.

Đến ngày 24-8-2022, bà Kim A, ông T có đơn yêu cầu phản tố bổ sung: đề nghị Tòa án xem xét buộc bà Nguyễn Thị R trả lại công sức đóng góp xây dựng nhà phụ gồm: Mái che nhà ở bằng tole, xà gồ thép, nền xi măng, cột sắt, 01 nhà kho, Mái che nhà kho bằng tấm lợp tole xi măng, xà gồ gỗ, nền lát gạch tàu, cột bê tông cốt thép. Chuồng nuôi heo: vách tường gạch, cột bê tông cốt thép. Nhà vệ sinh; trụ cổng; cửa cổng. Hàng rào: móng cột bê tông cốt thép, tường gạch, khung rào bằng thép, lưới B40 trong tổng thể công trình tại số nhà 371 cất trên một phần thửa đất số 514, 515, tờ bản đồ số 24, ấp Chánh, xã Đức Lập hạ, Đức Hòa, Long An. Tổng số tiền yêu cầu là 483.225.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà Kim A rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Bị đơn bà Hồ Thị Thu L1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị Thùy L trình bày:

Bà L1 thống nhất về quan hệ huyết thống như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là đúng, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Không đồng ý yêu cầu hủy toàn bộ di chúc của bà R, đồng ý hủy một phần vì trong di chúc có liên quan đến phần đất của ông T, bà A. Đề nghị được quyền quản lý, sử dụng căn nhà số 371, cất trên một phần thửa đất số 514, 515 tờ bản đồ số 24, xã Đức Lập Hạ vì căn nhà này đã được phân chia trong bản di chúc.

- Bà L, bà L1 cho rằng: bà Hồ Mộng L2 không phải con của ông X, do trước khi ông X chết thì ông X không thừa nhận bà L2 là con.

- Đối với yêu cầu chia thừa kế của bà R sau khi trừ phần đất nghĩa địa còn lại là 2.206m² thì bà và bà Thu L1 không đồng ý vì phần đất này trong di chúc mà bà R, ông X đã tặng cho bà và bà L.

- Đối với diện tích đất 19.646m² thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 30, tại ấp Chánh, xã Tân Phú, thì bà L, bà Thu L1 đồng ý để bà R quản lý ½ diện tích. Phần diện tích còn lại thì yêu cầu được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của ông X.

Bà L, bà L1 có yêu cầu phản tố như sau:

- Yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị R với ông Nguyễn Văn D, tại thửa 113, 127, tờ bản đồ số 4; thửa 952, 953, 369 tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã Đức Lập Thượng tại Văn phòng Công chứng Lê Ngọc M; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D đối với các thửa đất nêu trên.

- Tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị R với ông Lâm Văn T1, đối với thửa đất số 431, tờ bản đồ số 4, tọa

lạc tại xã Đức Lập Thượng, được công chứng tại Văn phòng công chứng Lê Ngọc M.

- Yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng giữa ông T1, bà Thủy với ông Võ Đắc V đối với thửa đất nêu trên được công chứng tại Văn phòng Công chứng Trần Văn Châu.

Toàn bộ các quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản của bà R và ông X, do đó bà L1 và bà L khởi kiện yêu cầu được chia theo pháp luật, cụ thể:

Thửa 113, thửa 127, 952, 953, 369, 431 thì bà R được nhận $\frac{1}{2}$ trên tổng diện tích, số đất còn lại thì yêu cầu chia làm 3 cho hàng thừa kế thứ nhất của ông X: bà Ly, bà L và bà R mỗi người nhận 01 kỷ phần tương ứng.

Đối với thửa đất 532, loại đất nghĩa địa, bà L1 đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Thùy L không tranh chấp, đồng ý giao thửa đất này cho bà R quản lý, sử dụng làm đất thổ mộ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hồ Mộng L2 trình bày:

Bà là con riêng của ông Hồ Văn X (Công) với bà Nguyễn Thị Ra, bà xác định không có tranh chấp, từ chối nhận di sản thừa kế đối với tài sản mà ông X chết để lại.

Các ông Trần Văn H1, Hồ Văn Tr, Trần Văn P, Hồ Văn L3, Hồ Quốc V1, Hồ Thanh H2 trình bày:

Các ông là người cùng trong thân tộc với ông Hồ Văn X. Trong diện tích đất 7.437m², đo thực tế còn 7.206m² tại các thửa 532, 592, 593, 637, 638 TBĐ số 24 tọa lạc tại ấp Chánh, xã Đức Lập Hạ thì có thửa 532 diện tích 4.946m² là đất hương quả của thân tộc giao cho ông X là chỉ thứ út đứng tên, trên đất có nhiều mồ mả của ông bà trong thân tộc, năm 2017 các ông cùng bà R hợp thống nhất để diện tích 4.946m² làm đất hương quả của thân tộc nên các ông, bà không tranh chấp trong vụ án này, đề nghị không đưa thửa đất này vào di sản để chia thừa kế.

Văn phòng công chứng Võ Văn N1 trình bày:

Việc chứng thực di chúc số 858 ngày 05/3/2008 của ông X, bà R tặng cho đất, nhà đối với bà Hồ Thị Thùy L, Hồ Thị Thu L1 đã được Công chứng viên tiến hành đúng thủ tục theo luật công chứng, đúng pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa trình bày trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Thành T ngày 01-7-1997 với diện tích 14.428m² gồm 12 thửa trong đó có diện tích các bên đang tranh chấp. Việc Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Thành T là căn cứ vào hồ sơ xét duyệt của Hội đồng đăng ký xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất theo mẫu Trung ương của xã Đức Lập Hạ đã được thông qua tại biên bản xét duyệt và Tờ trình số 01/TT.UB.96 ngày 05-6-1997 của Ủy ban nhân

dân xã Đức Lập Hạ và danh sách hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mẫu Trung ương ngày 03/6/1997. Đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp theo đúng qui định pháp luật.

Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị R với ông Nguyễn Văn D được Văn phòng công chứng Lê Ngọc M chứng thực ngày 04-11-2017, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn D vào ngày 20-12-2017 tại các thửa 369 (diện tích 1.733m²) và thửa 952 (diện tích 353m²), thửa 953 (diện tích 42m²), TĐĐ số 21, ấp Đức Ngãi 2, xã Đức Lập Thượng.

Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị R với ông Lâm Văn T1 được Văn phòng công chứng Lê Ngọc M chứng thực ngày 03-11-2017, Sở tài nguyên và Môi trường đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm Văn T1 vào ngày 20-12-2017 tại diện tích 1.296m², thửa 431, TĐĐ số 21, ấp Đức Ngãi 2, xã Đức Lập Thượng.

Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị R với ông Nguyễn Văn D được Văn phòng công chứng Lê Ngọc M chứng thực ngày 28-6-2018, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn D vào ngày 30-7-2018 với diện tích 4.637m² tại thửa 127; diện tích 858m² tại thửa 113, TĐĐ số 4, ấp Đức Ngãi 2, xã Đức Lập Thượng.

Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lâm Văn T1 với ông Võ Đắc V được Văn phòng công chứng Đức Hòa chứng thực ngày 19-01-2018, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Đắc V vào ngày 15-3-2018 tại diện tích 1.296m², thửa 431, TĐĐ số 21, ấp Đức Ngãi 2, xã Đức Lập Thượng. Đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp theo đúng qui định pháp luật.

Ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ngày 15-8-2017, ông D có nhận chuyển nhượng của bà R diện tích đất tại thửa 369 và thửa mới 952, 953, TĐĐ số 21, tại xã Đức Lập Thượng; thửa 113, 127, TĐĐ số 4, tại xã Đức Lập Thượng. Do diện tích đất ông D nhận chuyển nhượng nêu trên ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên trước yêu cầu của chị L, chị L1 đề nghị vô hiệu hợp đồng, hủy giấy chứng nhận để trả lại đất, chia thừa kế thì ông D không đồng ý. Trường hợp nếu Tòa án có căn cứ tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông và bà R thì ông sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Ông Lâm Văn T1 trình bày:

Ngày 03-11-2017, ông T1 có nhận chuyển nhượng của bà R diện tích đất 1.296m² thuộc thửa 431, TĐĐ số 21, tọa lạc tại xã Đức Lập Thượng. Đến ngày 19-01-2018, ông T1 đã chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho ông Võ Đắc V. Do diện tích đất nêu trên ông T1 đã chuyển nhượng cho ông V nên ông T1 không còn quản lý đất, không còn quyền lợi hay yêu cầu gì.

Ông Võ Đắc V trình bày:

Ngày 19-01-2018, ông V có nhận chuyển nhượng của ông Lâm Văn T1 diện tích đất 1.296m² thuộc thửa 431, TĐĐ số 21 tọa lạc tại xã Đức Lập Thượng. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông V đã xây nhà kiên cố và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay các bên tranh chấp, bà L, bà L1 yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng, hủy giấy đã cấp cho ông thì ông không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông Trương Văn L4 trình bày:

Vào ngày 20-02-2021, ông có thuê đất của bà Nguyễn Thị R diện tích đất tại thửa 03, tờ bản đồ số 30, xã Tân Phú, Đức Hòa, Long An. Thời hạn thuê đất là từ ngày 01-8-2021 đến ngày 01-8-2024 với số tiền 30.000.000 đồng. Nay các bên phát sinh tranh chấp, ông đề nghị được tiếp tục được thuê đất cho đến hết thời hạn thuê.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 207/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa quyết định:

Áp dụng các điều 26, 35, 39, 92, 147, 157, 165, 217, 222, 227, 228, 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 122, Điều 130, Điều 643, 645, 649, 650, 651, khoản 2 Điều 357 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; các điều 6, 12, 100, 125 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 12, Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần yêu cầu một phần khởi kiện của bà Nguyễn Thị R về việc yêu cầu hủy một phần di chúc, tranh chấp thừa kế, tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Trịnh Thành T, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Hồ Thị Thùy L, bà Hồ Thị Thu L1. Tuyên:

Hủy một phần di chúc lập ngày 05-3-2008 tại Văn phòng công chứng số 04 tỉnh Long An (nay là Văn phòng công chứng Võ Văn N1 kế thừa quyền, nghĩa vụ) đối với thửa đất số 532, 583, 656 thuộc tờ bản đồ số 24, đất tọa lạc tại ấp Chánh xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An.

Bà Nguyễn Thị R được quyền đi đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 532, diện tích 4.946m² loại đất NĐ thuộc tờ bản đồ số 24, đất tọa lạc tại ấp Chánh xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R đối với ông Trịnh Thành T, bà Nguyễn Thị Kim A về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 1.758m² thuộc một phần các thửa 514, 515, 468, tờ bản đồ số 24, xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trịnh Thành T đứng tên.

Ông Trịnh Thành T, bà Nguyễn Thị Kim A được quyền tiếp tục, quản lý sử dụng phần đất nêu trên (phần đất có vị trí tại khu C theo mảnh trích đo ngày 28/11/2018) của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa lập.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Trịnh Thành T, bà Nguyễn Thị Kim A về việc yêu cầu Tòa án xem xét hủy một phần di chúc đối với phần căn nhà số 371 tọa lạc trên thửa đất số 514, 515.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Trịnh Thành T, bà Nguyễn Thị Kim A đối với bà Nguyễn Thị R về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị R phải hoàn trả chi phí, công sức đóng góp xây dựng các công trình phụ liên quan đến căn nhà số 371, tọa lạc trên một phần thửa đất 514, 515, tờ bản đồ số 24, xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa số 03, tờ bản đồ số 03 xã Tân Phú, Đức Hòa, Long An; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Hồ Văn X đứng tên.

Bà Nguyễn Thị R được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 12.739m², loại đất LUC thuộc một phần thửa số 03, tờ bản đồ số 03 xã Tân Phú, Đức Hòa, Long An. Vị trí và diện tích đất theo khu B, mảnh trích đo bản đồ địa chính số 348-2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa đo vẽ và phê duyệt ngày 27/9/2022.

Bà Hồ Thị Thùy L, Hồ Thị Thu L1 được quyền đồng quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 6.736m², loại đất LUC thuộc một phần thửa số 03, tờ bản đồ số 03 xã Tân Phú, Đức Hòa, Long An. Vị trí và diện tích đất theo khu B, mảnh trích đo bản đồ địa chính số 348-2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa đo vẽ và phê duyệt ngày 27/9/2022.

Bà Hồ Thị Thùy L, Hồ Thị Thu L1 phải liên đới hoàn lại cho bà Nguyễn Thị R 25.298.000 đồng tương ứng với phần diện tích đất nhưng dôi dư (361,4m² x 70.000 đ/m²) so với kỹ phần được chia.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa số 592, 593, 637, 638, tờ bản đồ số 24, xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Hồ Văn X đứng tên:

- Bà Nguyễn Thị R được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 1.049m², loại đất LUK thuộc một phần còn lại thửa 593, thửa 592, tờ bản đồ số 24 xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An.

- Bà Hồ Thị Thùy L, Hồ Thị Thu L1 được quyền đồng quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 742,9m², loại đất LUK thuộc thửa 637, 638, tờ bản đồ số 24 xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An.

Vị trí và diện tích đất thửa 592, 593, 637, 638 theo mảnh trích đo bản đồ địa chính số 260-2018 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa đo vẽ và phê duyệt ngày 28-11-2018.

Bà Hồ Thị Thùy L, Hồ Thị Thu L1 phải liên đới hoàn lại cho bà Nguyễn Thị R 10.192.000 đồng tương ứng với phần diện tích đất chênh lệch so với kỹ phần (145,6m² x 70.000đ/m²) so với kỹ phần được chia.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Hồ Thị Thùy L, bà Hồ Thị Thu L1 đối với bà Nguyễn Thị R về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa số 113, 127, tờ bản đồ số 04, xã Đức Lập Thượng, Đức Hòa, Long An; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn D đứng tên.

Tuyên: vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị R với ông Nguyễn Văn D, tại thửa 113, 127, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Đức Lập Thượng lập ngày 26/8/2018 tại Văn phòng Công chứng Lê Ngọc M.

- Bà Hồ Thị Thùy L, bà Hồ Thị Thu L1 được quyền đồng quản lý, sử dụng phần đất được chia có diện tích 1.916m², loại đất LUC thuộc thửa số 113 và một phần thửa 127, tờ bản đồ số 04, xã Đức Lập Thượng, Đức Hòa, Long An;

- Bà Nguyễn Thị R được quyền đồng quản lý, sử dụng phần đất được chia có diện tích 3.818m², loại đất LUC, thuộc phần còn lại thửa 127, tờ bản đồ số 04 xã Đức Lập Thượng, Đức Hòa, Long An.

Bà Hồ Thị Thùy L, Hồ Thị Thu L1 phải liên đới hoàn lại cho bà Nguyễn Thị R 329.000 đồng tương ứng với phần diện tích đất chênh lệch (4,7m² x 70.000đ/m²) so với kỹ phần được chia.

Vị trí, diện tích đất theo Mạnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa vẽ, phê duyệt 28/11/2018 (đính kèm bản vẽ phân khu của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự trong công tác thi hành án.

Văn phòng đăng ký đất đai, Cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án: thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hồ Văn X đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 30, xã Tân Phú; các thửa số 532, 592, 593, 637, 638, tờ bản đồ số 24, ấp Chánh, xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An. Thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn D tại các thửa số 113, 127 tờ bản đồ số 04, xã Đức Lập Thượng, Đức Hòa, Long An để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị R, bà Hồ Thị Thùy L, bà Hồ Thị Thu L1 cho phù hợp với kết quả giải quyết của bản án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05-10-2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị R nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý:

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lại quyền sử dụng đất khu C gắn liền với căn nhà 371 thuộc phần thửa 514, diện tích 1.386m², thửa 515, diện tích 179m², một phần thửa 468, diện tích 193m², tổng cộng 1.758m² do ông Trịnh Thành T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tuyên giao căn nhà số 371 gắn liền quyền sử dụng đất khu C cho Hồ Thị Thùy L và Hồ Thị Thu L1 quản lý; chấp nhận yêu cầu phản tố của Thu L1, Thùy L về việc vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

cấp cho ông Nguyễn Văn D đối với 2 thửa đất 113, 127 do bà chuyển nhượng cho ông D ngày 28-6-2018.

Ngày 14-10-2022, bị đơn bà Hồ Thị Thùy L và bà Hồ Thị Thu L1 nộp đơn kháng cáo một phần bản án như sau:

Các thửa đất theo di chúc số 592, 593, 637, 638 được xác định thành 6 kỷ phần và bà R hưởng 4/6 kỷ phần là không có cơ sở vì $\frac{1}{2}$ số tài sản trên đã được ông X định đoạt cho các bà trong khi bà R còn sống thì di chúc chưa có hiệu lực. Không cản trở phần diện tích bà R đã chuyển nhượng cho ông D tại các thửa 369, 431, 952, 953 với tổng diện tích 3.424m² vào phần thừa kế của ông X là không phù hợp. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn và thực hiện phân chia tài sản như trên.

Ngày 06-10-2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D kháng cáo một phần bản án như sau:

Bác yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 113, 127 giữa ông và bà R và bác yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông. Vì hai thửa đất này có nguồn gốc của cha mẹ bà R cho bà R trước khi kết hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không rút kháng cáo; bị đơn bà L, bà L1 rút toàn bộ đơn kháng cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Đất khu C có nguồn gốc của cha mẹ ông X cho, không có giấy tờ nào chứng minh ông X cho ông T. Ông X sử dụng có nhà trên đất, là khu đất riêng biệt nhưng cấp giấy cho ông T là không đúng đối tượng và không cấp cho từng người cũng là không đúng. Đất có chung vuông rào không gọi là đất của chung được.

Di chúc có nội dung không đúng, do nhà ở trên hai thửa 514 và 515, chia mỗi người $\frac{1}{2}$ nhà nhưng không nói rõ mỗi phần do ai được hưởng, vật dụng trong nhà gồm những gì không được nêu rõ. Đối với căn nhà bà L và bà L1 không có đóng góp gì. Đây là nhà thờ tổ tiên do bà R thờ cúng, bà R không còn chỗ ở nào khác và không có nguồn sinh sống nào khác nên bà R phải bán đất để xây mộ cho ông X. Giữa bà R với ông T, bà A, L, L1 đã xảy ra mâu thuẫn gay gắt, ngược đãi. Nếu theo Luật nuôi con nuôi năm 2010 thì pháp luật không công nhận L, L1 là con nuôi của ông X, bà R. Thửa đất số 113 và 127 bà R bán để xây mộ cho ông X nên không vô hiệu. Do đó, đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo và đơn khởi kiện của bà R.

Nguyên đơn bà R do ông Phạm Văn N đại diện trình bày:

Nhà số 371 bà R đang thờ cúng Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, khu C cấp đất cho ông T là không đúng đối tượng, do tự ông T kê khai, đăng ký. Các công trình phụ do bà R xây dựng. Thửa đất số 113 và 127 do cha mẹ bà R cho riêng bà R. Do đó, đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo và đơn khởi kiện của bà R.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông T và bà A trình bày:

Đất khu C đã cấp giấy lần đầu cho ông T, có nguồn gốc của ông X. Ông T đăng ký 12 thửa, ông X đăng ký 7 thửa. Ông X biết việc ông T đứng tên. Việc cấp giấy cho ông T được niêm yết rõ ràng (ông X làm việc ở Ủy ban nhân dân xã), ông T thế chấp cho ngân hàng ông X cũng biết. Di chúc cho nhà, không cho đất vì đất đã cho ông T, các bên đều sử dụng khu đất này có cùng cổng rào, khu C và khu B không phân biệt ranh giới, không có phân chia. Ông T được cấp giấy đúng pháp luật và sử dụng ổn định. Bà R chưa đủ điều kiện khởi kiện vì di chúc chưa có hiệu lực. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà R.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của bà R, bà L, bà L1 và ông D trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bà L, bà L1 là con nuôi hợp pháp của ông X, bà R. Khu C ông T được cấp giấy năm 1997 là căn cứ vào hồ sơ xét duyệt đủ điều kiện để cấp giấy, có nguồn gốc của ông X, bà R cho ông T. Ông X đăng ký 7 thửa, ông T đăng ký 12 thửa. Trong di chúc không thể hiện đất khu C chứng tỏ ông X đã cho ông T. Nhà theo di chúc dùng để thờ cúng nên giao cho bà L, bà L1 và bà R quản lý là phù hợp. Việc chia di sản là nhà thì chưa đủ điều kiện khởi kiện. Thửa đất 113 và 127 sau khi ông X chết, bà R chuyển nhượng không có ý kiến của những người thừa kế nên vô hiệu là có cơ sở. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà R và ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tài sản trên đất có tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà R, bà L, bà L1 và ông D được làm đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà R và ông T, bà A có tranh chấp quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm có giải quyết nhưng không ghi tại phần trích yếu về quan hệ “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là thiếu sót nên cần rút kinh nghiệm.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D, ông Lâm Văn T1, ông Võ Đắc V, bà Hồ Mộng L2, ông Trần Văn H1, ông Hồ Văn Tr, ông Trần Văn P, ông Hồ Quốc V1, ông Hồ Thanh H2, ông Trương Văn L4 và Văn phòng Công chứng Lê Ngọc M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L, bà L1 rút toàn bộ kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc kháng cáo về cách chia các thửa đất số 592, 593, 637, 638 nên phần này của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Bà R khởi kiện yêu cầu chia thừa kế giá trị căn nhà số 371 và một số công trình phụ gồm mái che nhà ở, nhà kho, mài che nhà kho, chuồng heo, nhà vệ sinh (nhà riêng lẻ 1 tầng), nhà vệ sinh bên ngoài, trụ cổng, cửa cổng và hàng rào nằm trên khuôn viên một phần thửa đất 514, thửa 515, tờ bản đồ số 24, xã Đức Lập Hạ nêu trên theo quy định pháp luật.

[6] Theo di chúc ngày 05-3-2008 thì ông X và bà R có định đoạt căn nhà số 371, còn các công trình phụ như mái che nhà ở, nhà kho, mài che nhà kho, chuồng heo, nhà vệ sinh (nhà riêng lẻ 1 tầng), nhà vệ sinh bên ngoài, trụ cổng, cửa cổng và hàng rào không thể hiện trong di chúc. Xét thấy, ông X chết năm 2017, bà R còn sống nên bà R có thể sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc đã lập vào bất cứ lúc nào liên quan đến phần tài sản của bà R theo quy định tại khoản 2 Điều 664 Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 1 Điều 640 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Để xem xét yêu cầu chia căn nhà số 371 của bà R, cần xem xét di chúc ngày 05-3-2008 có bị vô hiệu hay không. Trong trường hợp căn nhà là tài sản chung của ông X và bà R, nếu di chúc vô hiệu thì $\frac{1}{2}$ căn nhà là của bà R và $\frac{1}{2}$ căn nhà là di sản của ông X được chia thừa kế theo pháp luật; nếu di chúc có hiệu lực pháp luật về phần di sản của ông X để lại thì bà R (vợ của ông X) là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc theo quy định tại Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015 và $\frac{1}{2}$ căn nhà là của bà R. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bà R yêu cầu chia di sản đối với phần tài sản này là chưa đủ điều kiện khởi kiện nên đình chỉ giải quyết là không đúng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà R.

[8] Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm bà R đều yêu cầu chia căn nhà và các công trình phụ nhưng bản án sơ thẩm không có xem xét đối với các công trình phụ là thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà R vẫn giữ nguyên yêu cầu chia căn nhà và các công trình phụ. Để chia căn nhà và các công trình phụ cần phải làm rõ các tài sản này có phải thuộc sở hữu của ông X và bà R hay không. Bà R trình bày căn nhà số 371 và một số công trình phụ gồm mái che nhà ở, nhà kho, mài che nhà kho, chuồng heo, nhà vệ sinh (nhà riêng lẻ 1 tầng), nhà vệ sinh bên ngoài, trụ cổng, cửa cổng và hàng rào thuộc quyền sở hữu của ông X và bà R. Bà A và ông T thì cho rằng phần nhà dưới và các công trình phụ do bà A và ông T xây dựng nên thuộc sở hữu của ông T và bà A, kể cả cây trồng trên đất cũng tranh chấp (bà R khai cây trồng trên đất là của ông X và bà R; bà A khai chỉ có 07 cây Thiên Tuế là của ông X và bà R, còn lại là của bà A và ông T); sân gạch tàu và sân xi măng trên đất, bà R và bà A đều cho rằng thuộc sở hữu của mình.

[9] Đối với tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 1.758m² thuộc một phần các thửa 514, 515, 468, tờ bản đồ số 24, xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An: Thấy rằng, tại Biên bản về việc thẩm tra hồ sơ xin điều chỉnh loại đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09-4-2008 của Địa chính xã Đức Lập Hạ (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đức Lập Hạ) có nội dung: Thửa đất số 514, tờ bản đồ số 24 trước đây do ông Hồ Văn X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa trắng) - bút lục số 216. Như vậy, nếu ông X đã được cấp giấy thì ông T không phải được cấp giấy lần đầu. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ ông T được cấp giấy trên cơ sở nào, có được ông X và bà R tặng cho hay không; trên đất có nhà ở của ông X và bà R xây dựng năm 1986 nhưng năm 1997 Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa lại cấp giấy cho ông T. Các đương sự không chỉ tranh chấp quyền sử dụng đất mà còn tranh chấp tài sản, cây trồng trên đất nên cần giải quyết chung trong một vụ án.

[10] Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị R với ông Nguyễn Văn D, tại thửa 113, 127, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Đức Lập Thượng lập ngày 26-8-2018 tại Văn phòng Công chứng Lê Ngọc M: Bà R trình bày được cha mẹ cho riêng. Ông X chết năm 2017, bà R được cấp giấy hai thửa đất trên vào năm 2018. Để xác định hai thửa đất này là tài sản chung hay tài sản riêng của bà R, cần thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc đất các thửa 113, 127. Nếu các thửa đất 113, 127 là tài sản chung, sau khi ông X chết bà R chuyển nhượng tất cả các thửa đất trong đó có thửa 113, 127 thì có vượt quá $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung của bà R và ông X hay không. Làm rõ các nội dung trên mới có cơ sở xem xét tính hợp pháp của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị R với ông Nguyễn Văn D.

[11] Do tính chất và phạm vi xét xử phúc thẩm, việc thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được và có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên cần hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm đối với các yêu cầu khởi kiện của đương sự như sau:

[12] Bà Nguyễn Thị R yêu cầu: Vô hiệu di chúc lập ngày 05-3-2008 tại Văn phòng công chứng số 04 tỉnh Long An (trừ những nội dung liên quan đến di chúc đã được giải quyết không có kháng cáo); yêu cầu chia thừa kế giá trị căn nhà số 371 và một số công trình phụ nằm trên khuôn viên một phần thửa đất 514, thửa 515, tờ bản đồ số 24, xã Đức Lập Hạ theo quy định pháp luật; yêu cầu ông Trịnh Thành T, bà Nguyễn Thị Kim A trả lại quyền sử dụng đất diện tích 1.758m² thuộc một phần thửa 514 diện tích 1.386m², thửa 515 diện tích 179m², thửa 468 diện tích 193m² thuộc khu C theo Mảnh trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa duyệt ngày 28-11-2018;

[13] Bà Hồ Thị Thùy L và bà Hồ Thị Thu L1 yêu cầu: Tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị R với ông Nguyễn Văn D, tại thửa 113, 127, tờ bản đồ số 4; tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã Đức Lập Thượng; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D đối với các thửa đất nêu trên, yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật. Khi giải

quyết lại, Tòa án cấp sơ thẩm cần xác định rõ yêu cầu của đương sự đối với tài sản và cây trồng trên đất tranh chấp để giải quyết triệt để vụ án.

[14] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định thửa đất số 369, 431 952 và 953 (952 và 953 được tách từ thửa 369), cả 4 thửa đất này đều đã được bà R chuyển nhượng hợp pháp. Do đó yêu cầu của bị đơn về vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng đối với các thửa đất này là không có cơ sở, các thửa đất này không còn là di sản thừa kế, phần di chúc đối với các thửa đất này cũng không còn hiệu lực nên Hội đồng xét xử huỷ một phần di chúc liên quan đến các thửa đất này nhưng phần quyết định của bản án không có các nội dung này là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[15]. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá và đo đạc tổng cộng là 40.497.143 đồng. Do bản án sơ thẩm bị huỷ một phần tương ứng với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá và đo đạc là 20.248.571,5 đồng (40.497.143 đồng x 1/2). Một phần bản án không bị huỷ tương ứng với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá và đo đạc là 20.248.571,5 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc các đương sự phải chịu trên số tiền đã nộp tạm ứng là chưa phù hợp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đương sự phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia. Trong trường hợp này, bà R, bà L và bà L1 được hưởng thừa kế tài sản của ông X ngang nhau nên phải chịu chi phí tố tụng như nhau, cần sửa bản án sơ thẩm về phần chi phí tố tụng. Bà R phải chịu 10.124.285,75 đồng và bà L, bà L1 phải chịu 10.124.285,75 đồng. Bà R đã nộp 30.686.011 đồng; bà L, bà L1 đã nộp 9.811.132 đồng nên bà L và bà L1 phải hoàn trả cho bà R 313.153,75 đồng.

Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá và đo đạc còn lại là 20.248.571,5 đồng (do bà R đã nộp tạm ứng) sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án đối với phần bản án bị huỷ.

[16]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị R là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Do huỷ một phần bản án sơ thẩm nên án phí đối với người hưởng di sản có thay đổi nên cần sửa án phí đối với bà L và bà L1 như sau:

Bà Hồ Thị Thùy L, Hồ Thị Thu L1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu tuyên vô hiệu văn bản công chứng nhưng không được Tòa án chấp nhận và phải chịu 23.513.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản được hưởng thừa kế, tổng cộng bà L và bà L1 phải chịu 24.113.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[17] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà L và bà L1 rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bà R và ông D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[18] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà R và ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp với tài liệu chứng cứ của vụ án.

[19] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm (kèm theo Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 41/QĐ-SCBSBA ngày 09-3-2023) không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo bà Hồ Thị Thùy L và bà Hồ Thị Thu L1;

Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 207/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa;

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của các đương sự như sau:

Bà Nguyễn Thị R yêu cầu: Vô hiệu di chúc lập ngày 05-3-2008 (trừ những nội dung liên quan đến di chúc đã được giải quyết không có kháng cáo); yêu cầu chia thừa kế giá trị căn nhà số 371 và một số công trình phụ nằm trên khuôn viên một phần thửa đất 514, thửa 515, tờ bản đồ số 24, xã Đức Lập Hạ theo quy định pháp luật; yêu cầu ông Trịnh Thành T, bà Nguyễn Thị Kim A trả lại quyền sử dụng đất diện tích 1.758m² thuộc một phần thửa 514 diện tích 1.386m², thửa 515 diện tích 179m², thửa 468 diện tích 193m² thuộc khu C theo Mảnh trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa duyệt ngày 28-11-2018;

Bà Hồ Thị Thùy L và bà Hồ Thị Thu L1 yêu cầu: Tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị R với ông Nguyễn Văn D, tại thửa 113, 127, tờ bản đồ số 4; tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã Đức Lập Thượng; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D đối với các thửa đất nêu trên, yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 207/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 (kèm theo Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 41/QĐ-SCBSBA ngày 09-3-2023) của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa về chi phí tố tụng và án phí;

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 92, 147, 157, 165, 217, 222, 227, 228, 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 122, Điều 130, Điều 643, 645, 649, 650, 651, khoản 2 Điều 357 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ các điều 6, 12, 100, 125 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 12, Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần yêu cầu một phần khởi kiện của bà Nguyễn Thị R về việc yêu cầu hủy một phần di chúc, tranh chấp thừa kế đối với bà Hồ Thị Thùy L, bà Hồ Thị Thu L1.

Hủy một phần di chúc lập ngày 05-3-2008 tại Văn phòng công chứng số 04 tỉnh Long An (nay là Văn phòng công chứng Võ Văn N1 kế thừa quyền, nghĩa vụ) đối với thửa đất số 532, 583, 656 thuộc tờ bản đồ số 24, đất tọa lạc tại ấp Chánh xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An.

Bà Nguyễn Thị R được quyền đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 532, diện tích 4.946m² loại đất NĐ thuộc tờ bản đồ số 24, đất tọa lạc tại ấp Chánh, xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Trịnh Thành T, bà Nguyễn Thị Kim A về việc yêu cầu Tòa án xem xét hủy một phần di chúc đối với phần căn nhà số 371 tọa lạc trên thửa đất số 514, 515.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Trịnh Thành T, bà Nguyễn Thị Kim A đối với bà Nguyễn Thị R về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị R phải hoàn trả chi phí, công sức đóng góp xây dựng các công trình phụ liên quan đến căn nhà số 371, tọa lạc trên một phần thửa đất 514, 515, tờ bản đồ số 24, xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa số 03, tờ bản đồ số 30, xã Tân Phú, Đức Hòa, Long An; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Hồ Văn X đứng tên.

Bà Nguyễn Thị R được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 12.739m², loại đất LUC thuộc một phần thửa số 03, tờ bản đồ số 30, xã Tân Phú, Đức Hòa, Long An. Vị trí và diện tích đất theo khu B, Mảnh trích đo địa chính số 348-2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa đo vẽ và phê duyệt ngày 27-9-2022.

Bà Hồ Thị Thùy L, Hồ Thị Thu L1 được quyền đồng quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 6.376m², loại đất LUC thuộc một phần thửa số 03, tờ bản đồ số 30, xã Tân Phú, Đức Hòa, Long An. Vị trí và diện tích đất theo khu A, Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 348-2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa đo vẽ và phê duyệt ngày 27-9-2022.

Bà Hồ Thị Thùy L, Hồ Thị Thu L1 phải liên đới hoàn lại cho bà Nguyễn Thị R 301.000 đồng tương ứng với phần diện tích đất nhưng dôi dư (4,3m² x 70.000đ/m²) so với kỹ phần được chia.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R về việc yêu chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa số 592, 593, 637, 638, tờ bản đồ số 24, xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Hồ Văn X đứng tên:

Bà Nguyễn Thị R được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 1.049m², loại đất LUK thuộc một phần còn lại thửa 593, thửa 592, tờ bản đồ số 24 xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An.

Bà Hồ Thị Thùy L, Hồ Thị Thu L1 được quyền đồng quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 743m², loại đất LUK thuộc thửa 637, 638, tờ bản đồ số 24 xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An.

Vị trí và diện tích đất thửa 592, 593, 637, 638 theo Mạnh trích đo địa chính số 260-2018 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa đo vẽ và phê duyệt ngày 28-11-2018.

Bà Hồ Thị Thùy L, Hồ Thị Thu L1 phải liên đới hoàn lại cho bà Nguyễn Thị R 10.192.000 đồng tương ứng với phần diện tích đất chênh lệch so với kỷ phần (145,6m² x 70.000đ/m²) so với kỷ phần được chia.

Văn phòng đăng ký đất đai, Cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án: thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hồ Văn X đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 30, xã Tân Phú; các thửa số 532, 592, 593, 637, 638, tờ bản đồ số 24, ấp Chánh, xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị R, bà Hồ Thị Thùy L, bà Hồ Thị Thu L1 cho phù hợp với kết quả giải quyết của bản án.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá và đo đạc:

Bà Nguyễn Thị R phải chịu 10.124.285,75 đồng.

Bà Hồ Thị Thùy L, Hồ Thị Thu L1 phải chịu 10.124.285,75 đồng.

Bà Nguyễn Thị R đã nộp 30.686.011 đồng; bà Hồ Thị Thùy L, Hồ Thị Thu L1 đã nộp 9.811.132 đồng nên bà L và bà L1 phải hoàn trả cho bà R 313.153,75 đồng.

Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá và đo đạc còn lại là 20.248.571,5 đồng (do bà R đã nộp tạm ứng) sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án đối với phần bản án bị hủy.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị R được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hồ Thị Thùy L, Hồ Thị Thu L1 phải chịu 24.113.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí 5.231.000 đồng theo các biên lai thu số 7664, 7666, 7668, 7669, 7672, 7673, 7674 cùng ngày 11-3-2021; tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 2802 ngày 09-7-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa để thi hành án phí nên bà Hồ Thị Thùy L, Hồ Thị Thu L1 còn phải chịu 8.882.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với số tiền tạm ứng án phí: 300.000 đồng theo biên lai số 3854 ngày 27-12-2018; 300.000 đồng theo biên lai số 7665, 300.000 đồng theo biên lai số 7667; 300.000 đồng theo biên lai số 7670; 300.000 đồng theo biên lai số 7671 và 3.431.000 đồng theo biên lai số 7675 cùng ngày 11-3-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án đối với phần bản án bị hủy.

Hoàn lại cho ông Trịnh Thành T, bà Nguyễn Thị Kim A tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.664.500 đồng theo biên lai thu số 11492 ngày 15-8-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Hồ Thị Thùy L và bà Hồ Thị Thu L1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0000307 và biên lai số 0000308 cùng ngày 14-10-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa để thi hành án phí.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

